

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-PT
Ngày 04-03-2020
V/v *Kiện đòi tiền.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền và bà Trần Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp kiện đòi tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS – ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1972 (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1971 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1968 (Anh Đ ủy quyền cho chị U);

- Anh Vũ Anh H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày: Gia đình chị có mối quan hệ là bạn bè hàng xóm với gia đình chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Anh H. Thời gian trước đây giữa chị và gia đình chị D cũng đã có nhiều lần vay nợ với nhau. Chị D đã nhiều lần vay tiền của chị, những lần vay này khi đến hạn chị D đều thanh toán đầy đủ. Đầu tháng 4/2009 gia đình chị D cần tiền để kinh doanh và làm công trình, biết nhà

chị có tiền chưa sử dụng đến nên chị D đã đến nhà chị hỏi vay tiền, vì là chỗ bạn bè tin tưởng, chị đã cho chị D vay 3 lần với tổng số tiền là 2.537.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 8/5/2009 (tức ngày 10/4/2009 âm lịch) chị cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền 970.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/6/2009 (tức ngày 13/5/2009 âm lịch) chị cho chị D vay số tiền 730.000.000 đồng.

Lần 3: Cùng ngày 05/6/2009 vào buổi chiều (tức ngày 13/5/2009 âm lịch) chị cho chị D vay số tiền 837.000.000 đồng.

Trong cả 3 lần vay tiền nói trên, chị D đều đến nhà chị, chị là người trực tiếp giao tiền cho Chị D. Sau mỗi lần vay tiền chị D đều tự viết và ký tên vào sổ của chị. Chị khẳng định chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền đều là chữ của chị Nguyễn Thị D tự tay viết.

Về lãi suất: Đối với số tiền 970.000.000 đồng, vay ngày 10/4/2009 âm lịch và số tiền 730.000.000 đồng, vay vào buổi sáng ngày 13/5/2009 âm lịch, chị D có nói với chị là vay nóng mấy ngày sẽ trả, nên chị không tính lãi. Đối với số tiền 837.000.000 đồng, vay vào buổi chiều ngày 13/5/2009 âm lịch, chị D có nói là vay thời gian dài nên chị và chị D có thỏa thuận về lãi suất vay là 3%/ tháng.

Về thời hạn trả nợ: Giữa chị và chị D không ghi cụ thể về thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau là khi nào cần chị sẽ thông báo trước cho chị D biết.

Toàn bộ số tiền chị đã cho chị D vay là tiền gia đình chị đã đi vay ngân hàng về để làm kinh doanh, do chưa sử dụng đến nên chị đã cho chị D vay lại, khi chị cho chị D vay tiền, chị không nói cho chồng biết, khoảng 6 tháng sau khi đến thời hạn trả nợ ngân hàng thì chồng chị mới biết. Đối với 3 khoản nợ trên chị đã đòi nhiều lần nhưng chị D vẫn chưa trả. Việc chị D trình bày là đã trả chị hết số nợ trên, nhưng vì tin tưởng nên không gạch sổ là không có căn cứ. Chị xác định toàn bộ số nợ này là nợ chung của gia đình chị D, mặc dù khi vay tiền chỉ một mình chị D đứng ra vay và ký vào giấy vay nợ, nhưng chị D vay tiền về để sử dụng vào mục đích kinh doanh của gia đình, nên cả chị D và anh H phải có trách nhiệm trả nợ.

Trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Anh H phải trả nợ cho vợ chồng chị số tiền gốc là 2.537.000.000 đồng và tiền lãi của cả 3 khoản vay theo mức lãi suất là 8.50%/năm, số tiền lãi tính đến ngày làm đơn khởi kiện là 2.047.253.097 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 4.584.253.097 đồng. Nhưng nay chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu vợ chồng chị D phải trả cho vợ chồng chị số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay 837.000.000 đồng ngày 13/5/2009 âm lịch theo mức lãi suất là 0.8%/tháng kể từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Khoảng từ năm 2003, chị có đến hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị U. Khi vay chị là người trực tiếp ghi vào giấy biên nhận nợ. Việc vay nợ là do mình chị vay, chồng chị là anh Vũ Anh H không biết. Do lâu ngày chị không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu. Mục đích chị vay tiền về để chi tiêu, kinh doanh làm ăn. Chị đã trả cho chị U nhiều lần nhưng chưa hết. Số tiền lãi chị chưa trả được chị U lại chuyển thành gốc. Cứ cộng như vậy, từ năm 2003 cho đến năm 2009, cụ thể là: Ngày 10/4/2009 (âm lịch) vay 970.000.000 đồng; ngày 13/5/2009 (âm lịch) vay 730.000.000 đồng và 837.000.000 đồng. Đối với khoản vay 970.000.000đ và 730.000.000đ thì không ghi lãi suất, còn khoản vay 837.000.000đ lãi suất 3%. Những ngày vay ghi của các giấy tờ này đều do tự tay chị viết vào sổ của chị U. Chị xác định có vay của chị U. Chị và em gái là Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983, trú quán: Kim 1, P, L đã trả cho chị U nhiều lần nhưng chưa hết. Khi trả chị U lại không xóa đi.

Đến nay chị U làm đơn khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền gốc tổng cộng là 2.537.000.000 đồng của ba lần ghi trên giấy vay nợ do chị viết như đã trình bày ở trên và lãi suất 0.85%/năm đối với số tiền 837.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.537.000.000 đồng. Chị không đồng ý trả vì số tiền này chị không được nhận tiền mặt. Toàn bộ số tiền đó là do chị U cộng tiền lãi thành tiền gốc. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Chị đã nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án. Tuy nhiên chị không còn chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ chị U đã nộp cho Tòa án.

Chị D thừa nhận trước đây có vay tiền của chị U nhưng là số tiền nhỏ là 200.000.000đ với lãi suất là 2000 đồng/01 triệu/ 01 ngày để chi tiêu gia đình và cá nhân. Đối với khoản nợ này chị đã trả lãi cho chị U rất nhiều lần và tất cả những lần trả đều ghi vào sổ của chị U.

Chị D xác nhận tất cả những giấy triệu tập Tòa án đã giao cho chị, chị đã được nhận và giấy triệu tập giao cho anh Vũ Anh H chị cũng đã thông báo cho chồng chị nhưng chồng chị xác định không liên quan nên không đến Tòa án làm việc.

Chị đã được Tòa án cho xem giấy vay nợ mà chị U đã nộp cho Tòa án có ghi 03 khoản vay ngày 10/4/2009, ngày 13/5/2009 (âm lịch), ngày 13/5/2009 (âm lịch) lãi 3%. Chị thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay nợ là chữ của chị. Đối với 02 khoản vay trong ngày 13/5/2009, do cộng vào nhiều tiền lãi quá nên chị U đề nghị chị viết thành hai khoản vay: Khoản vay 837.000.000đ lãi 3%. Chị đề nghị Tòa án xem xét đối với khoản vay 970.000.000đ và 730.000.000đ chị U nói là vay tiền ngân hàng về chị U cho chị vay mà tại sao lại không tính lãi và số tiền chị đưa cho con gái chị 100.000.000đ mang trả cho chị U, tại sao chị U không trừ cho chị.

Chị đề nghị chị U giao lại toàn bộ quyền sở của chị U có ghi tiền vay và số tiền chị đã trả cho chị U.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị U, giữa gia đình anh và gia đình chị D, anh H có quan hệ với nhau là hàng xóm. Anh cũng được biết hiện nay vợ anh đang khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng chị D, anh H số tiền gốc là 2.537.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ anh là chị Nguyễn Thị U. Nguồn gốc số tiền này là do vợ chồng anh vay ngân hàng để làm ăn kinh doanh. Việc vợ anh cho chị D vay tiền cụ thể như thế nào anh không được biết. Đến đầu năm 2010 khi khoản vay tại ngân hàng đã đến hạn thanh toán, anh hỏi vợ thì mới biết là chị U đã cho chị D vay ba lần với tổng số tiền là 2.537.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay vợ anh đã nhiều lần đòi nhưng chị D, anh H không trả. Anh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị D, anh H phải trả cho vợ chồng anh số tiền gốc đã vay là 2.537.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Anh H trình bày:

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị D. Giữa gia đình anh và gia đình chị Nguyễn Thị U không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ là hàng xóm với nhau. Việc vợ anh là chị Nguyễn Thị D có vay tiền của chị Nguyễn Thị U bao nhiêu tiền thì anh không được biết, khi vay tiền chị D cũng không nói gì với anh. Nay chị Nguyễn Thị U khởi kiện ra Tòa án buộc vợ anh là chị D phải trả cho chị U cả tiền gốc và tiền lãi là 4.584.253.097 đồng anh không đồng ý vì anh không được vay tiền và không được biết việc vay nợ.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Căn cứ Khoản 2 điều 305; điều 471; điều 474; điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn Đ số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và 825.314.104 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.262.314.104 đồng. Đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 970.000.000 đồng vay ngày 8/5/2009(tức ngày 10/4/2009 âm lịch) và khoản tiền 730.000.000 đồng vay ngày 05/6/2009(tức ngày 13/5/2009 âm lịch) của chị Nguyễn Thị U.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 97.246.282 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị U số tiền 56.293.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0005153 ngày 28/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 24/9/2019, bị đơn Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí với bản án sơ thẩm. Bị đơn Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị giải quyết theo pháp luật. Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm về việc tính lãi; cụ thể thời gian tính lãi là 123 tháng 5 ngày $\times 0,8\% = 824.724.000\text{đ}$. Buộc chị Nguyễn Thị D phải trả vợ chồng chị Nguyễn Thị U số tiền gốc là 2.437.000.000đ, số tiền lãi là 824.724.000đ. Sửa về án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị D là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, chị D thừa nhận có viết và ký nhận tại sổ của chị U 3 khoản vay như chị U kiện chị, cụ thể: Ngày 10/4/2009 (al) vay 970.000.000đ, ngày 13/5/2009 (al) vay 730.000.000đ, cùng ngày 13/5/2009 (al) vay 837.000.000đ ghi lãi 3%. Chị D khai chị đã trả cho chị U, nhưng khi trả hai bên không làm giấy tờ gì, mà do chị U tự ghi vào sổ của chị U, yêu cầu chị U xuất trình sổ của chị U.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị U không thừa nhận lời khai của chị D về việc đã trả nợ cho chị; chị U đồng ý trừ 100.000.000đ do con chị D trả vào số tiền gốc mà chị D vay. Do sổ của chị đã bỏ đi không còn, nên không nộp được sổ cho Tòa án theo yêu cầu của chị D. Ngoài chứng cứ mà chị D khai là khi trả chị U ghi vào sổ của chị U thì chị D không có chứng cứ, tài liệu nào khác để nộp cho Tòa án chứng minh về việc đã trả nợ cho chị U. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị D về việc đã trả nợ cho chị U.

[3] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy việc tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm về thời gian là 120 tháng 29 ngày với số tiền lãi là 825.314.104đ là chưa đúng quy định của pháp luật, mà thời gian được tính là 123 tháng 5 ngày, nên cần được tính lại như sau: $837.000.000đ \times 0,8\% \times 123 \text{ tháng } 5 \text{ ngày} = 824.724.000đ$. Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi chị D phải trả vợ chồng chị U là: $2.437.000.000đ + 824.724.000đ = 3.261.724.000đ$.

[4] Do sửa án sơ thẩm, nên chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm, số tiền chị D đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được hoàn trả. Tiền án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị D. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Các điều 147, 148, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn Đ số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và 824.724.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.261.724.000đ (ba tỷ hai trăm sáu một triệu bảy trăm hai tư nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 970.000.000 đồng vay ngày 8/5/2009 (tức ngày 10/4/2009 âm lịch) và khoản tiền 730.000.000 đồng vay ngày 05/6/2009 (tức ngày 13/5/2009 âm lịch) của chị Nguyễn Thị U.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 97.234.000đ (chín bảy triệu hai trăm ba tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị U số tiền 56.293.000đ (năm mươi sáu triệu hai trăm chín ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0005153 ngày 28/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả chị Nguyễn Thị D số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc

thẩm theo biên lai số AA/2018/0005718 ngày 24/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Xuân Lộc